

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
LÔ I – ĐƯỜNG ĐỒNG KHÔI – P. HÒA PHÚ – TX.TDM – BÌNH DƯƠNG
Mã số thuế: 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011**



Bình Dương, tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,567,663,952,993	1,544,742,123,202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	65,130,302,923	32,670,003,078
1. Tiền	111		11,130,302,923	12,670,003,078
2. Các khoản tương đương tiền	112		54,000,000,000	20,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,727,694,669	111,075,216,070
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	12,593,383,585	112,226,355,520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1,865,688,916)	(1,151,139,450)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,206,453,899,531	588,801,052,223
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	1,071,073,916,377	165,455,841,347
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	122,981,218,504	406,613,533,480
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	16,763,533,627	19,236,486,443
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(4,364,768,977)	(2,504,809,047)
IV. Hàng tồn kho	140		1,275,361,230,392	772,114,350,502
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,275,361,230,392	772,114,350,502
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,990,825,478	40,081,501,329
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	412,797,660	53,952,248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8,559,315,269	31,985,468,215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1,018,712,549	8,042,080,866

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193,405,344,328	141,333,998,989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		126,399,701,117	81,875,178,366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	92,427,203,995	69,083,323,968
<i>Nguyên giá</i>	222		137,370,567,416	101,720,640,041
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44,943,363,421)	(32,637,316,073)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	8,194,781,232	11,461,533,636
<i>Nguyên giá</i>	228		8,944,200,743	12,074,484,886
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(749,419,511)	(612,951,250)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	25,777,715,890	1,330,320,762
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	1,930,505,605	2,115,834,145
<i>Nguyên giá</i>	241		2,409,271,000	2,409,271,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(478,765,395)	(293,436,855)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		59,079,691,558	51,560,910,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	22,619,691,558	27,900,910,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	36,460,000,000	23,660,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,995,446,048	5,782,076,478
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	2,750,849,573	1,475,825,029
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	2,282,403,620	3,585,706,649
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	962,192,855	720,544,800
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,761,069,297,321	1,686,076,122,191

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,497,862,062,217	1,334,990,391,354
I. Nợ ngắn hạn	310		1,340,385,002,589	1,184,568,008,541
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	145,078,473,651	597,393,183,131
2. Phải trả người bán	312	V.22	350,571,139,969	91,925,952,987
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	242,654,719,824	282,337,113,571
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	28,854,985,956	9,634,544,914
5. Phải trả người lao động	315	V.25	4,294,988,584	1,810,636,890
6. Chi phí phải trả	316	V.26	410,893,955,290	12,177,973,794
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	133,343,905,965	166,475,837,730
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.28	22,084,460,732	11,328,596,313
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	2,608,372,618	11,484,169,211
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		157,477,059,628	150,422,382,813
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	150,366,550,000	150,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.31	339,904,697	422,382,813
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		6,770,604,931	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,253,737,548,614	351,085,730,837
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,253,737,548,614	351,085,730,837
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.32	1,000,000,000,000	200,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.32	1,841,123,840	2,062,223,840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.32	4,793,855,523	4,812,860,786
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.32	(205,710,806)	(439,592,214)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.32	28,671,150,391	28,675,831,702
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.32	13,837,821,628	13,710,055,862
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.32	204,799,308,038	102,264,350,861
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.33	9,469,686,490	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,761,069,297,321	1,686,076,122,191

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
 Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ
 Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14,224,277	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu



Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng




Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	777,754,974,662	144,034,887,217	1,830,730,624,341	625,521,650,821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10,093,393,991	10,960,428,476	22,679,633,762	13,014,561,840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	767,661,580,671	133,074,458,741	1,808,050,990,579	612,507,088,981
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	630,845,882,134	122,436,081,934	1,502,258,392,367	516,042,038,954
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136,815,698,537	10,638,376,807	305,792,598,212	96,465,050,027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7,533,254,412	57,952,507,948	23,493,780,919	71,977,016,721
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6,145,825,359	5,321,197,142	23,106,859,429	12,788,100,050
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,009,470,151	3,487,702,638	20,636,204,481	10,684,391,598
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	24,883,320,931	15,158,756,023	53,886,115,276	34,401,281,354
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14,683,414,915	10,356,384,973	39,303,465,607	24,304,659,838
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98,636,391,744	37,754,546,617	212,989,938,819	96,948,025,506
11. Thu nhập khác	31	VI.7	23,566,305,920	11,557,344,786	43,164,353,495	27,283,226,659
12. Chi phí khác	32		4,274,752,791	2,199,967	4,314,966,887	1,109,867,921
13. Lợi nhuận khác	40		19,291,553,129	11,555,144,819	38,849,386,608	26,173,358,738
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		1,353,955,091		1,407,936,387	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		119,281,899,964	49,309,691,436	253,247,261,814	123,121,384,244
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	28,003,975,219	11,974,797,686	60,654,848,528	30,659,683,967
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1,303,303,029	380,468,720	1,303,303,029	(353,095,993)



18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	89,974,621,716	37,715,362,470	191,289,110,257	92,814,796,270
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	(6,304,859)		730,503,583	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	89,980,926,575		190,558,606,674	92,814,796,270
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.9			2,461	4,641

Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2012


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng



 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 101 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		336,586,331,547	190,363,822,299	867,862,502,010	567,983,031,852
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		- 206,336,490,018	- 102,248,015,746	- 675,112,207,046	- 347,393,742,309
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		- 13,446,453,637	- 6,785,244,987	- 42,466,478,345	- 22,039,375,429
4. Tiền chi trả lãi vay	04		- 4,989,185,889	- 3,487,636,638	- 20,631,945,974	- 9,422,208,220
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		- 10,638,710,591	- 5,223,854,023	- 41,986,531,351	- 30,156,037,669
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		32,598,369,584	17,871,795,009	1,008,365,081,183	43,509,343,928
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		- 101,743,711,120	- 144,238,565,421	- 399,836,046,692	- 216,006,660,204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32,030,149,876	- 53,747,699,507	696,194,373,785	- 13,525,648,051
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		- 258,975,753	-	- 1,765,624,390	- 19,970,711
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		- 1,647,395	-	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		- 609,834,030	- 2,991,926,934	- 68,224,686,165	- 10,063,998,339
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2,193,594,099	167,351,040,000	5,075,531,819
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		- 8,000,000,000	- 2,740,160,000	- 9,000,000,000	- 28,285,160,000
6. Tiền thu bởi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	8,591,470,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,504,600,365	53,301,531,152	19,086,016,998	72,065,196,828
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		- 5,365,856,813	49,763,038,317	107,446,746,443	47,363,069,597



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	15,521,664,057	-	130,000,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	15,651,664,057	-	15,431,664,057	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	27,339,991,400	-	43,719,047,318	165,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	104,984,676,768	112,655,994,586	829,918,653,758	267,029,757,248
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	44,600,000	9,657,507	542,878,000	11,348,103,507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	77,559,285,368	112,665,652,093	771,180,820,383	113,377,860,755
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	-	50,894,992,305	116,650,313,283	32,460,299,845	79,540,439,209
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	116,025,295,228	149,320,316,361	32,670,003,078	112,210,442,287
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	65,130,302,923	32,670,003,078	65,130,302,923	32,670,003,078

[Signature]

Họ và tên
Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Nga

[Signature]

Họ và tên
Kế toán trưởng



Họ và tên
Tổng Giám đốc/Giám đốc

Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2011 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp niên độ 2011 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt, Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ (các Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Sản xuất lắp ráp cửa các loại.

- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

6. Danh sách Công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	Quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	72,60%	72,60%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Đường D8, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	53,80%	69,06%
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	Lô I, đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	79,40%	50,00%

7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex.	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	20,00%	20,00%

8. Nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 746 nhân viên đang làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 422 nhân viên).

9. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Doanh thu và lợi nhuận năm 2011 tăng đáng kể so với năm trước do số lượng hàng hóa và bất động sản tiêu thụ tăng mạnh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính niên độ của Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt, Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ (các Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	03 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1-3% trên quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa và công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
31/12/2011: 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.703.765.978	377.636.739
Tiền gửi ngân hàng	55.426.536.945	12.292.366.339
Các khoản tương đương tiền (*)		20.000.000.000
Cộng	<u>65.130.302.923</u>	<u>32.670.003.078</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		12.593.383.585		12.226.355.520
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	261.409	3.305.620.570	261.409	3.305.620.570
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	190.697	3.202.682.385	107.039	2.341.702.950
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)			80.000	1.657.642.000
- Công ty CP phát triển Đô Thị (UDJ)	174.800	1.163.690.630		
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	445.916	4.921.390.000	445.916	4.921.390.000
Đầu tư ngắn hạn khác				1.000.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm		-		<u>100.000.000.000</u>
Cộng	1.072.822	<u>12.593.383.585</u>		<u>112.226.355.520</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hóa	322.989.232.012	96.186.860.993
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	748.084.684.365	69.268.980.354
Cộng	<u>1.071.073.916.377</u>	<u>165.455.841.347</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	80.303.944.218	402.285.929.794
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	42.677.274.286	4.327.603.686
Cộng	<u>122.981.218.504</u>	<u>406.613.533.480</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu	238.468.798	3.210.000.000
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	9.749.356.287	10.513.125.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.071.107.280	2.137.653.539
Cổ tức phải thu	3.129.652.903	940.000.000
Chi phí chi cho dự án Tân Thạnh Mỹ chờ quyết toán		342.392.885
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	486.320.835	805.675.269
Ứng tiền thực hiện ủy thác		-
Phải thu khác	1.088.627.524	1.287.638.892
Cộng	<u>16.763.533.627</u>	<u>19.236.486.443</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm		1.560.925.355
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	3.306.243.426	90.344.709
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	965.230.382	61.200.178
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	93.295.169	792.338.806
Cộng	<u>4.364.768.977</u>	<u>2.504.809.047</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.340.795.955	5.557.840.496
Công cụ dụng cụ	999.922.689	162.721.546
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.191.681.834.452	711.829.404.647
Thành phẩm	1.798.571.940	2.074.799.388
Hàng hóa	65.490.578.322	52.481.102.525
Hàng gửi đi bán	49.527.034	8.481.900
Cộng	<u>1.275.361.230.392</u>	<u>772.114.350.502</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	412.797.660	53.952.248
Chi phí khác		-
Cộng	<u>412.797.660</u>	<u>53.952.248</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	827.513.398	6.921.843.168
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	191.199.151	1.120.237.698
Cộng	<u>1.018.712.549</u>	<u>8.042.080.866</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.804.711.452	13.698.615.948	75.547.030.301	1.587.021.255	83.261.085	101.720.640.041
Tăng do hợp nhất kinh doanh	9.770.066.006	2.055.432.597	1.758.145.975	382.755.122	90.040.000	14.056.439.700
Mua sắm mới	694.255.723	5.855.383.582	13.216.407.233	519.248.459	-	20.285.294.997
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.180.816.303	3.719.466.928	42.713.490	33.627.750	78.320.000	17.054.944.471
Tăng khác	630.146.333	-	-	(223.370.766)	-	630.146.333
Giảm do thanh lý	(1.264.178.328)	(3.980.089.786)	(10.908.259.246)	-	-	(16.376.898.126)
Số cuối kỳ	33.814.817.489	21.348.809.269	80.745.909.033	2.299.281.820	251.621.085	137.370.567.416
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.224.712.178	4.400.427.880	23.897.971.523	1.030.943.407	83.261.085	32.637.316.073
Tăng do hợp nhất kinh doanh	568.042.680	238.362.916	688.046.630	143.280.871	9.085.719	1.646.818.816
Khấu hao trong kỳ	2.402.577.795	1.922.779.307	12.239.461.468	304.888.268	14.865.090	16.884.571.928
Giảm do thanh lý	(550.073.344)	(71.808.471)	(5.376.260.827)	(227.200.754)	-	(6.225.343.396)
Số cuối kỳ	5.645.259.309	6.489.761.632	31.449.218.794	1.251.911.792	107.211.894	44.943.363.421
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.579.999.274	9.298.188.068	51.649.058.778	556.077.848	-	69.083.323.968
Số cuối kỳ	28.169.558.180	14.859.047.637	48.206.818.959	1.047.370.028	144.409.191	92.427.203.995
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.966.929.143	107.555.743	12.074.484.886
Mua sắm mới	-	36.645.000	36.645.000
Thanh lý	(3.166.929.143)	-	(3.166.929.143)
Số cuối kỳ	8.800.000.000	144.200.743	8.944.200.743
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	505.395.507	107.555.743	612.951.250
Khấu hao trong kỳ	182.997.084	11.197.087	194.194.171
Thanh lý	(57.725.910)	-	(57.725.910)
Số cuối kỳ	630.666.681	118.752.830	749.419.511
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.461.533.636	-	11.461.533.636
Số cuối kỳ	8.169.333.319	25.447.913	8.194.781.232

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	1.001.087.031	10.712.290.864
XDCB dở dang	329.233.731	15.014.643.801
Sửa chữa lớn TSCĐ		50.781.225
Cộng	1.330.320.762	25.777.715.890

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.409.271.000	293.436.855	
Khấu hao trong năm	-	185.328.540	
Số cuối kỳ	2.409.271.000	478.765.395	1.930.505.605

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Vốn điều lệ	Số cuối kỳ (Vốn thực góp)	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	8.000.000.000	79,4%	3.000.000.000
Công ty CP Cửa sổ mùa xuân	26.000.000.000	72,6%	15.610.000.000
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Việt	8.000.000.000	53,8%	2.884.000.000
Cộng			21.494.000.000

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty liên doanh TNHH Sinviet ^(a)	Sản xuất nước uống tinh khiết	50,00%	3.264.211.142	50,00%	2.235.910.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ^(b)	Sản xuất xi măng các loại	20,00%	4.955.480.416	20,00%	4.400.000.000
Trường đại học quốc tế Miền Đông ^(d)	Đào tạo trung cấp, cao đẳng và đại học	24,00%	14.400.000.000	24,00%	14.400.000.000
Cộng			22.619.691.558		27.900.910.000

(a) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 ngày 13 tháng 2 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex với số vốn là 4.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 5.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ nhưng chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- (c) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Trường đại học quốc tế Miền Đông với số vốn là 14.400.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giảm do hợp nhất kinh doanh	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần chuyển nhượng	Giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	2.235.910.000	649.907.962	378.393.180	-	-	3.264.211.142
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	4.400.000.000	(1.474.062.791)	1.029.543.207	1.000.000.000	-	4.955.480.416
Trường đại học quốc tế Miền Đông	14.400.000.000	-	-	-	-	14.400.000.000
Cộng	21.035.910.000	(824.154.829)	1.407.936.387	1.000.000.000		22.619.691.558

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần được Becamex	102.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.380.000	13.800.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
Cộng		36.460.000.000		23.660.000.000

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	734.809.100	1.395.901.913
Chi phí thuê văn phòng	284.400.000	453.013.807
Chi phí trả trước dài hạn khác	456.615.929	901.933.853
Cộng	1.475.825.029	2.750.849.573

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

20. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

Số cuối kỳ

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	117.580.482.251	121.829.358.131
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	27.497.991.400	475.563.825.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	-	-
Cộng	<u>145.078.473.651</u>	<u>597.393.183.131</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để nhập máy móc thiết bị.

22. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	151.449.687.014	62.249.644.899
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	199.121.452.955	29.676.308.088
Cộng	<u>350.571.139.969</u>	<u>91.925.952.987</u>

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả tiền trước liên quan các dịch vụ khác	16.915.492.815	13.617.963.691
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	225.739.227.009	268.719.149.880
Cộng	<u>242.654.719.824</u>	<u>282.337.113.571</u>

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	620.718.472	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.134.071.092	9.532.300.174
Thuế thu nhập cá nhân	100.196.392	102.244.740
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	<u>28.854.985.956</u>	<u>9.634.544.914</u>

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	253.247.261.814	56.122.387.942

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	1.453.164.495-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(6.867.820.081)	(1.378.686.200)
Thu nhập chịu thuế	247.832.606.228	54.743.701.742
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	61.958.151.557	13.685.925.435

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 02% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Các Công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 chưa chi.

26. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	9.975.750.000
Trích trước chi phí công trình	410.855.955.290	2.202.223.794
Chi phí khác	38.000.000	-
Cộng	410.893.955.290	12.177.973.794

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	402.290.644	76.475.831
Cổ tức phải trả	991.962.124	105.682.124
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	59.722.057.650	149.025.289.000
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	22.415.585.750	15.338.917.800
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	190.000.000	640.000.000
Tiền rút thăm trúng thưởng	2.186.000.000	-
Lãi vay phải trả	28.533.916.667	-
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	690.111.200	494.854.358
Mua cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	4.800.000.000	-
Nhận ký quỹ môi giới	7.735.073.500	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.676.908.430	794.618.617
Cộng	133.343.905.965	166.475.837.730

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng và sản phẩm hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	11.328.596.313
Số cuối kỳ	22.084.460.732

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	8.691.962.085	2.181.588.355
Quỹ phúc lợi	1.329.634.969	33.259.575
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.462.572.157	393.524.688
Cộng	11.484.169.211	2.608.372.618

30. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza, và vay NH Đầu tư và Phát triển BD để mua TSCĐ

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Dưới 01 năm	-
Trên 01 năm đến 05 năm	150.400.000.000
Tổng nợ	150.366.550.000

31. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	422.382.813
Số trích lập	20.146.175
Số đã chi	(102.624.291)
Số cuối kỳ	339.904.697

32. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**33. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của Công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	8.739.182.907
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	730.503.583
Số cuối kỳ	9.469.686.490

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	777.754.974.662	144.034.884.217	1.830.730.624.341	625.521.650.821
- <i>Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng</i>	66.934.164.365	59.263.306.653	361.549.620.955	154.543.359.614
- <i>Doanh thu thành phẩm</i>	87.153.784.459	57.947.822.434	243.112.819.364	234.914.980.665
- <i>Doanh thu xây dựng dự án, KD BĐS</i>	618.502.475.726	24.796.472.459	1.214.780.390.463	228.404.060.916
- <i>Doanh thu khác</i>	5.164.550.112	2.027.285.671	11.287.793.559	8.023.249.626
Hàng bán bị trả lại	(10.093.393.991)	(10.960.428.476)	(22.679.633.762)	(13.014.561.840)
Doanh thu thuần	761.661.580.671	133.074.458.741	1.808.050.990.579	612.507.088.981
<i>Trong đó:</i>				
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng</i>	66.934.164.365	59.263.306.653	361.549.620.955	154.543.359.614
- <i>Doanh thu thuần thành phẩm</i>	87.153.784.459	57.947.822.434	243.112.819.364	234.914.980.665
- <i>Doanh thu thuần xây dựng dự án, KD BĐS</i>	608.409.081.735	13.836.043.983	1.192.100.756.701	215.025.499.071
- <i>Doanh thu thuần khác</i>	5.164.550.112	2.027.285.671	11.287.793.559	8.023.249.626

2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	104.605.473.349	55.570.528.022	374.992.544.048	141.850.049.60
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	39.063.800.464	53.379.007.194	186.930.617.118	218.242.189.67
Giá vốn xây dựng dự án, KD BĐS	471.811.158.609	13.434.946.718	924.941.731.489	155.728.843.83
Giá vốn khác	15.365.449.712	51.600.000	15.393.499.712	230.517.91
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho				(9.562.077)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Cộng	630.845.882.134	122.436.081.934	1.502.258.392.367	516.042.038.954

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.404.153.720	152.452.045	15.922.296.911	4.535.770.658
Lãi đầu tư cổ phiếu		143.022.901		11.534.715.181
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.479.652.903	1.100.558.500	5.846.808.803	2.887.094.700
Lãi bán hàng trả chậm	372.383.977		1.407.745.816	
Phạt vi phạm hợp đồng	223.913.125		229.510.125	
Chiết khấu thanh toán		52.840.425.000		52.840.425.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	53.150.687	3.397.282.498	87.419.264	179.011.182
Cộng	7.533.254.412	57.952.507.948	23.493.780.919	71.977.016.721

4. Chi phí tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.330.279.664	4.751.201.266	20.870.252.149	10.684.391.598
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác			506.618.100	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	100.996.229		787.646.500	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			714.549.466	1.151.139.450
Chi phí tài chính khác		569.995.876	227.793.214	952.569.002
Cộng	5.431.275.893	5.321.197.142	23.106.859.429	12.788.100.050

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	190.558.606.674	92.814.796.270
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	190.558.606.674	92.814.796.270
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ ^(*)	77.424.658	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.461	4.641

^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.000.000	20.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 4 năm 2011	57.424.658	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	77.424.658	20.000.000

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	186.892.632.238	371.600.586.481
Chi phí nhân công	34.959.531.999	29.948.375.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.279.715.648	11.896.586.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.886.448.363	28.424.853.592
Chi phí khác	112.250.058.527	77.890.661.910
Cộng	347.268.386.775	519.761.063.848

1. Thông tin khác

Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương lập Báo cáo tài chính hợp nhất nên số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 là số liệu của Công ty mẹ - Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương.



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2012

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	200,000,000,000	2,062,223,840	4,812,860,786	(439,592,214)	28,675,831,702	13,710,055,862	102,264,350,861	351,085,730,837
Tăng vốn trong kỳ	800,000,000,000	-	153,115,709	-	339,560,634	299,886,738	-	800,792,563,081
Chi phí phát hành	-	(221,100,000)	-	-	-	-	-	(221,100,000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	190,558,606,674	190,558,606,674
Chênh lệch phát sinh trong kỳ	-	-	-	(205,710,806)	-	-	-	(205,710,806)
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	(4,005,374,777)	(4,005,374,777)
Giảm phân phối các quỹ	-	-	(172,120,972)	-	(344,241,945)	(172,120,972)	(396,707,730)	(1,085,191,619)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	439,592,214	-	-	-	439,592,214
Giảm lãi nội bộ	-	-	-	-	-	-	(205,282,161)	(205,282,161)
Tăng giá trị phần sở hữu trong Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	(824,154,829)	(824,154,829)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(82,592,130,000)	(82,592,130,000)
Số dư cuối kỳ	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,793,855,523	(205,710,806)	28,671,150,391	13,837,821,628	204,799,308,838	1,253,737,548,614

Bình Dương, ngày 17 tháng 02 năm 2012


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

